

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên;

Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học

Chuyên ngành: Ung thư

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: ĐỖ ANH TÚ

2. Ngày tháng năm sinh: 22/12/1971; Nam: ☒ Nữ: ☐ Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Điền Xá, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ 2403 ĐN1, chung cư 310 HH-NO khu hỗn hợp văn phòng cho thuê và nhà ở, lô đất 3.10 NO Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

TS. Đỗ Anh Tú – Phó Giám đốc Bệnh Viện K

30 Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0986003888;

E-mail: doanhtu.bvk@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 10/1998 đến tháng 9/2002: Bác sĩ khoa Hóa chất, Bệnh viện K

Từ tháng 10/2002 đến tháng 3/2003: Bác sĩ khoa Nhi, Bệnh viện K

Từ tháng 4/2003 đến tháng 4/2006: Bác sĩ khoa Hóa chất, Bệnh viện K

Từ tháng 5/2006 đến tháng 3/2009: Phó trưởng khoa Nội 1, Bệnh viện K

Từ tháng 4/2009 đến tháng 12/2019: Trưởng khoa Nội 3, Bệnh viện K.

Từ tháng 1/2020 đến tháng 11/2020: Phụ trách chuyên môn và các hoạt động cơ sở Tam Hiệp, Trưởng khoa Nội Tam Hiệp, Bệnh viện K.

Từ tháng 12/2020 đến tháng 6/2025: Phó Giám đốc chuyên môn Bệnh viện K, Phụ trách cơ sở Tam Hiệp, Trưởng khoa Nội Tam Hiệp.

Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc chuyên môn bệnh viện K, Phụ trách cơ sở Tam Hiệp, Trưởng khoa Nội Tam Hiệp, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bệnh viện K, Bí thư Chi bộ Tam Hiệp I.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phụ trách chuyên môn và các hoạt động cơ sở Tam Hiệp, Trưởng khoa Nội 3, Bệnh viện K.

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện K

Địa chỉ cơ quan: 30 Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.533.8900

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Y Hà Nội.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Y Hà Nội.

8. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 09 năm 1997; số bằng: B44228; số vào sổ: 065; ngành: Y, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 05 năm 2004; số bằng: 0462; ngành: Y học; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 02 tháng 05 năm 2013; số hiệu: 002606; số vào sổ cấp bằng: 00152; ngành: Y học; chuyên ngành: Ung thư; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

9. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

10. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:

11. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Nghiên cứu dữ liệu đời thực và ứng dụng tiến bộ y học trong điều trị ung thư hệ tiết niệu.*
- *Nghiên cứu dữ liệu đời thực trong điều trị hỗ trợ và điều trị giai đoạn tiến triển ung thư hệ tiêu hóa.*
- *Nghiên cứu dữ liệu đời thực và ứng dụng các xu hướng mới trong điều trị ung thư phổi, ung thư vú, ung thư hệ tạo huyết và một số ung thư thường gặp.*

12. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4/0/3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 10 đề tài cấp cơ sở; tham gia 02 đề tài cấp nhà nước.
- Đã công bố (số lượng) 66 bài báo khoa học, trong đó 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 8 trong đó 8 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

13. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Thầy thuốc ưu tú năm 2024.

Bác sỹ cao cấp năm 2022.

Bằng khen bộ y tế năm: 2016, 2019, 2021.

14. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU'

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, yêu nghề, hết lòng vì sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, sự nghiệp đào tạo của ngành Y.
- Là một giảng viên kiêm nhiệm có tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng với các thế hệ học viên. Là một cán bộ quản lý tận tâm với công việc, luôn hướng đến các mục tiêu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, xây dựng quy trình kỹ thuật chuyên môn, hướng dẫn đào tạo và nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyển.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các quy định của Bệnh viện.
- Quan hệ tốt với đồng nghiệp, đúng mực với học viên. Luôn chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với sinh viên, học viên và đồng nghiệp.
- Chuẩn bị nội dung đầy đủ, phong phú khi tham gia giảng dạy. Chất lượng giảng dạy tốt, được học viên đánh giá cao. Hướng dẫn nhiều học viên bảo vệ luận văn, luận án với kết quả cao.
- Kết hợp tốt giữa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020						74	74/249,0/135
2	2020-2021			2			74	74/185,8/135
3	2021-2022			1			74	74/251,8/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1			74	74/296,8/135
5	2023-2024			2			74	74/177,0/135
6	2024-2025						74	74/157,0/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: năm.....

- Đào tạo chuyên khoa: Ung bướu nội khoa và ghép tế bào gốc tại Nhật Bản năm 2006.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

APTIS B2 cấp ngày 4/5/2024 số BC20000120431. Trường cấp: Hội đồng Anh (British council)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phosnavanh thammavong		CH	✓		2015-2017	ĐH Y Hà Nội	11/01/2018
2	Nguyễn Minh Phương		BSNT	✓		2018-2020	ĐH Y Hà Nội	21/01/2021
3	Dương Thị Lệ		BSNT	✓		2018-2020	ĐH Y Hà Nội	21/01/2021
4	Nguyễn Thu Trang		CH	✓		2020-2022	ĐH Y Hà Nội	16/01/2023
5	Nguyễn Quỳnh Hương		CH	✓		2021-2023	ĐH Y Hà Nội	29/12/2023
6	Nguyễn Thị Vân		CH	✓		2021- 2023	ĐH Y Hà Nội	15/04/2024
7	Nguyễn Đình Lợi		BSNT	✓		2021- 2023	ĐH Y Hà Nội	28/12/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Bệnh ung thư phổi	TK	Nhà xuất bản Y học, 2008	38	TS. Bùi Công Toàn- TS. Hoàng Đình Chân	Tham gia biên soạn - Từ trang 92- trang 99 - Từ trang 317- trang 326 - Từ trang 381- trang 391 - Từ trang 443- trang 448	Quyết định số: 1921/QĐ-ĐHYHN Ngày 28 tháng 06 năm 2011 của Trường Đại học Y Hà Nội
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Thực hành điều trị nội khoa bệnh ung thư ISBN:978-604-66-0138-8	HD	Nhà xuất bản Y học 2013	28	PGS. TS. Bùi Diệu PGS. TS. Trần Văn Thuận	Thư kí và tham gia biên soạn - Từ trang 236- 244 - Từ trang 260- 270	Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại học Y Hà Nội

3	Sổ tay điều trị nội khoa ung thư ISBN:978-604-66-1626-9	HD	Nhà xuất bản Y học, 2015	14	PGS. TS. Bùi Diệu PGS. TS. Trần Văn Thuận	Tham gia biên soạn - Từ trang 173- trang 179 - Từ trang 209- trang 226	Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại học Y Hà Nội
4	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư thường gặp ISBN: 978-604-66-2201-7	HD	Nhà xuất bản Y học, 2016	27	PGS. TS. Bùi Diệu	Tham gia biên soạn - Từ trang 158- trang 172	Quyết định số: 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Trường Đại học Y Hà Nội
5	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp ISBN:978-604-66-3779-0	TK	Nhà xuất bản Y học, 2019	29	GS. TS. Trần Văn Thuận PGS. TS. Lê Văn Quảng TS. BS. Nguyễn Tiến Quang	Tham gia biên soạn - Từ trang 136- trang 184 - Từ trang 212- trang 218 - Từ trang 391- trang 401	Giấy xác nhận số: 398/GXN-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 06 năm 2020 của Học viện YDHCT Việt Nam
6	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư biểu mô tế bào gan	HD	Nhà xuất bản Y học, 2020	19	PGS. TS. Lương Ngọc Khuê	Thư kí và tham gia biên soạn - Từ trang 06- trang 35	Quyết định số: 3129/QĐ-BYT ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Y Tế
7	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư tuyến tiền liệt	HD	Nhà xuất bản Y học, 2020	19	PGS. TS. Lương Ngọc Khuê	Tham gia biên soạn - Từ trang 04- trang 34	Quyết định số: 3130/QĐ-BYT ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Y Tế
8	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư dạ dày	HD	Nhà xuất bản Y học, 2020	14	PGS. TS. Lương Ngọc Khuê	Thư kí và tham gia biên soạn - Từ trang 04- trang 37	Quyết định số: 3127/QĐ-BYT ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Y Tế

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [].....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu dịch tễ học, chẩn đoán, điều trị, phòng chống một số bệnh ung thư ở Việt Nam.	Tham gia	Cấp nhà nước KC.10.06	2001-2005	21/04/2006 Mức B
2	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung thư thường gặp.	CN đề tài nhánh	Cấp nhà nước KC.10.14/06-10	2007-2010	24/03/2011 Loại khá
II	Sau khi được công nhận TS				
3	Đánh giá hiệu quả của Imatinib trong điều trị u mô đệm tiêu hóa giai đoạn muộn.	CN	Cơ sở	2016	12/09/2016
4	Đánh giá kết quả bước đầu điều trị hóa chất phác đồ FLOT trên bệnh nhân ung thư dạ dày giai đoạn tiến triển.	CN	Cơ sở	2018-2019	11/12/2019 Loại B
5	Đánh giá kết quả điều trị hỗ trợ ung thư bàng quang nông bằng BCG tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2018-2019	11/12/2019 Loại B
6	Đánh giá kết quả điều trị hỗ trợ ung thư bàng quang nông bằng Epirubicin tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2018-2019	11/12/2019 Loại A

7	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ TS-1 kết hợp với Cisplatin trong điều trị bước đầu ung thư dạ dày giai đoạn muộn tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2019-2020	28/12/2020 Loại B
8	Đánh giá kết quả điều trị ung thư tiền liệt tuyến kháng cắt tinh hoàn bằng phác đồ Docetaxel - Prednisolone tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2019-2020	28/12/2020 Loại B
9	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ Gemcitabin-Cisplatin trên bệnh nhân ung thư đường niệu giai đoạn tiến triển tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2023	14/12/2023 Loại B
10	Đánh giá kết quả điều trị ung thư tuyến tiền liệt giai đoạn di căn nhậy với điều trị nội tiết bằng phác đồ ADT kết hợp Docetaxel tại Bệnh viện K.	CN	Cơ sở	2024	08/11/2024 Loại B
11	Kết quả hóa trị bước một ung thư đường mật giai đoạn tiến triển bằng phác đồ Gemcitabine-Cisplatin tại Bệnh viện K cơ sở Tam Hiệp.	CN	Cơ sở	2024	08/11/2024 Loại B
12	Kết quả điều trị bước một bằng Afatinib trên bệnh nhân cao tuổi ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IV có đột biến gen EGFR.	Tham gia	Cơ sở	2024	04/11/2024 Loại A

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; DT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu dữ liệu đời thực và ứng dụng tiến bộ y học trong điều trị ung thư hệ tiết niệu.								
Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
Các bài báo Quốc tế								
1	Real-World Efficacy and Safety of Low-Dose Abiraterone with Food and Standard-Dose Abiraterone in De Novo Metastatic Hormone-Sensitive Prostate Cancer: A Retrospective Analysis. doi: 10.1016/j.clgc.2024.102191	8	✓	Clinical Genitourinary Cancer ISSN: 1558-7673	Scopus Citescore 5.2 Q1		Volume 22, Issue 6, 102191	12/ 2024
Các bài báo trong nước								
2	Đánh giá kết quả điều trị ung thư tuyến tiền liệt giai đoạn di căn nhạy nội tiết bằng phác đồ ADT kết hợp Docetaxel tại Bệnh viện K.	5	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			548/2; 59-63	03/ 2025
3	Các yếu tố tiên lượng trong điều trị ung thư bàng quang nông bằng BCG nội bàng quang tại Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			539/2; 143-146	06/ 2024

4	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ Gemcitabin-Cisplatin trên bệnh nhân ung thư đường niệu giai đoạn tiến triển tại Bệnh viện K.	3	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			538/1; 223-227	05/ 2024
5	Kết quả điều trị của Docetaxel trên bệnh nhân ung thư tuyến tiền liệt di căn kháng cắt tinh hoàn sau thất bại điều trị bước một với Abiraterone acetate.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			537/1; 61-63	04/ 2024
6	Một số yếu tố tiên lượng trong điều trị ung thư bàng quang nông bằng Epirubicin nội bàng quang tại Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí y dược học Quân sự ISSN: 1859-0748			49/2; 361-369	02/ 2024
7	Các tác dụng không mong muốn của bệnh nhân ung thư tuyến tiền liệt kháng cắt tinh hoàn được hóa trị theo phác đồ Docetaxel-prednisolone.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			533/1; 218-223	12/ 2023
8	Kết quả điều trị bước đầu của bệnh nhân ung thư tuyến tiền liệt kháng cắt tinh hoàn theo phác đồ Docetaxel-prednisolone.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			532/1; 36-40	11/ 2023

9	Thời gian thất bại điều trị của bệnh nhân ung thư tuyến tiền liệt giai đoạn di căn điều trị tuần tự ADT và ADT kết hợp Abiraterone acetate.	3	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			532/1; 217-221	11/ 2023
10	Nghiên cứu thời gian sống thêm của bệnh nhân ung thư tuyến tiền liệt kháng cắt tinh hoàn sau điều trị hóa chất theo phác đồ Docetaxel-prednisolone.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			530/1B; 177-181	09/ 2023
11	Đánh giá kết quả hóa trị tân bổ trợ ung thư bàng quang xâm lấn bằng phác đồ Gemcitabine-Cisplatin.	4		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			02/2019; 18-24	2019
12	Đánh giá kết quả điều trị bổ trợ ung thư bàng quang nông bằng Epirubicin tại Bệnh viện K.	3	✓	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			02/2019; 13-17	2019
Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu dữ liệu đời thực trong điều trị bổ trợ và điều trị giai đoạn tiến triển ung thư hệ tiêu hóa.								
Trước khi được công nhận Tiên sĩ								
Các bài báo trong nước								
13	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tác dụng phụ không mong muốn bệnh nhân ung thư đại tràng giai đoạn III đã phẫu thuật triệt căn được điều trị bổ trợ hóa trị phác đồ FOLFOX4.	4		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			02/2012; 121-126	2012

14	Đánh giá hiệu quả của hóa xạ đồng thời trong điều trị ung thư biểu mô thực quản giai đoạn III, IV tại Bệnh viện K.	14		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			02/2012; 95-102	2012
15	Bước đầu đánh giá điều trị bệnh ung thư dạ dày giai đoạn muộn (IIB-IIIC: T4, M0) bằng phẫu thuật và hóa trị hỗ trợ phác đồ EOX.	8		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			02/2012; 79-86	2012
16	Đánh giá kết quả bước đầu hóa-xạ trị đồng thời sau mổ bệnh ung thư dạ dày giai đoạn tiến triển.	6		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2010; 301-308	2010
Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
Các bài báo công bố trong nước								
17	Kết quả điều trị ung thư đường mật giai đoạn tiến triển bằng phác đồ Gemcitabine-Oxaliplatin-Bevacizumab tại Bệnh viện K.	4	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			548/2; 229-233	03/ 2025
18	Kết quả hóa trị hỗ trợ phác đồ CAPOX ở bệnh nhân ung thư dạ dày tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	3	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			546/1; 72-76	01/ 2025
19	Đánh giá một số tác dụng không mong muốn của phác đồ XELOX trong điều trị bệnh nhân ung thư dạ dày giai đoạn muộn tại Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			538/2; 31-35	05/ 2024
20	Đánh giá kết quả điều trị bước đầu bệnh nhân ung thư dạ dày giai đoạn muộn bằng phác đồ XELOX tại Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			538/1; 9-13	05/ 2024

21	Đánh giá hiệu quả điều trị phác đồ Regorafenib trên bệnh nhân ung thư đại trực tràng giai đoạn muộn.	3	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			536/2; 90-93	03/ 2024
22	Đánh giá kết quả và tính an toàn liệu pháp Lenvatinib bước 01 trên người bệnh đối với ung thư biểu mô tế bào gan không thể phẫu thuật.	5	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			536/2; 234-239	03/ 2024
23	Kết quả hóa trị phác đồ Paclitaxel và Carboplatin bước 1 trên bệnh nhân ung thư thực quản giai đoạn IV tại Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			536/2; 39-42	03 /2024
24	Kết quả hóa trị bước 1 ung thư đại trực tràng giai đoạn muộn bằng phác đồ bevacizumab-XELOX ở bệnh nhân trên 60 tuổi.	4	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			535/1; 266-270	02/ 2024
25	Kết quả hóa trị bổ trợ sau hóa xạ trị tiền phẫu và phẫu thuật ung thư trực tràng giai đoạn cT3,4N1-2,M0 tại Bệnh viện K.	4	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			535/1; 128-133	02/ 2024
26	Tác dụng không mong muốn của phác đồ XELOX hóa trị bổ trợ cho bệnh ung thư biểu mô dạ dày giai đoạn II-IIIc.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			531/2; 148-152	10/ 2023
27	Đánh giá kết quả điều trị bổ trợ capecitabine trong ung thư đại tràng giai đoạn II ở tại Bệnh viện K.	5	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			530/1B 218-222	09/ 2023

28	Vai trò của Imatinib trong điều trị tân bổ trợ u mô đệm đường tiêu hóa: báo cáo 2 trường hợp.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			517/1 321-324	08/ 2022
29	Yếu tố ảnh hưởng đáp ứng hóa trị phác đồ có Oxaliplatin trên ung thư đại trực tràng di căn.	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			497/ Chuyên đề ung thư, 270-275	12/ 2020
30	Thời gian sống thêm bệnh nhân ung thư dạ dày sau phẫu thuật triệt căn kết hợp hóa trị bổ trợ phác đồ XELOX.	3		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			03/2018; 107-110	2018
31	Bước đầu đánh giá hóa chất bổ trợ phác đồ hóa chất FOLFOX4 bệnh ung thư đại tràng giai đoạn III phẫu thuật triệt căn tại Bệnh viện K.	3		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			02/2016; 155-161	2016
32	Đánh giá kết quả điều trị ung thư dạ dày giai đoạn IIB-III(T4) bằng hóa trị bổ trợ EOX sau phẫu thuật tại Bệnh viện K.	3		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			02/2016; 80-88	2016
33	Đánh giá kết quả nội soi-sinh thiết và mô bệnh học sau phẫu thuật ung thư dạ dày tiến triển tại chỗ (IIB-IIIC: T4, M0).	6		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			04/2013; 231-236	2013

Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu dữ liệu đời thực và ứng dụng các xu hướng mới trong điều trị ung thư phổi, ung thư vú, ung thư hệ tạo huyết và một số ung thư thường gặp.								
Trước khi được công nhận Tiến sĩ								
Các bài báo trong nước								
34	Đánh giá bước đầu kết quả điều trị của phác đồ Nimotuzumab-hóa xạ trị đối với ung thư tế bào vảy vùng đầu cổ giai đoạn III, IVA, IVB.	9		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2012; 163-169	2012
35	Kết quả điều trị ung thư vùng đầu cổ giai đoạn muộn bằng các phác đồ hóa chất có Cisplatin.	7		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			03/2011; 136-140	2011
36	Đánh giá kết quả bước đầu hóa xạ trị đồng thời ung thư phổi không phải tế bào nhỏ giai đoạn IIIB tại Bệnh viện K.	3		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2010; 239-243	2010
37	Đánh giá kết quả điều trị bệnh U Lympho không Hodgkin thể lan tỏa tế bào B lớn tại Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2009; 97-102	2009
38	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị bước đầu bệnh U Lympho không Hodgkin thể lan tỏa tế bào B lớn tại Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2008; 328-332	2008
39	Đánh giá hiệu quả của phác đồ Cisplatin và Fluorouracil kết hợp với xạ trị trong điều trị tân bổ trợ ung thư hạ họng thanh quản giai đoạn III-IV(M0) tại Bệnh viện K 2002-2005.	5		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2008; 112-120	2008

40	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả bước đầu điều trị bệnh U Lympho ác tính không Hodgkin ngoài hạch vùng đầu cổ tại Bệnh viện K.	4	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 0686-3174			Tập 320 3/2006; 58-63	2006
41	Đánh giá hiệu quả phác đồ ABVD kết hợp xạ trị trường chiếu nhỏ trong điều trị bệnh Hodgkin.	10		Đặc san ung thư học			Số chuyên đề quý III/2005 291-297	2005
42	Đánh giá đáp ứng của điều trị hóa chất tân bổ trợ bằng phác đồ Cisplatin và 5FU bệnh ung thư vòm họng giai đoạn tiến triển tại vùng tại Bệnh viện K (2001-2003).	2	✓	Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 1859-1779			Phụ bản của tập 8, số 4/2004 96-102	2004
43	Kết quả thử nghiệm tác dụng hỗ trợ miễn dịch của thuốc ANGALA trên bệnh nhân ung thư vú đang điều trị hóa chất.	5		Tạp chí Y học ISSN: 0866-7241			Số 431/ 2002; 210-214	2002
44	Nhận xét bước đầu vai trò của hóa trị tân bổ trợ kết hợp xạ trị bệnh ung thư vòm họng giai đoạn III-IV(M0) tại Bệnh viện K.	3		Tạp chí Y học ISSN: 0866-7241			Số 431/ 2002; 51-54	2002
Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
Các bài báo Quốc tế								
45	The Effectiveness of Afatinib as First-Line Treatment in Vietnamese Patients With EGFR-Mutant Non-Small Cell Lung Cancer and Brain Metastases. doi: 10.1111/ajco.14147	22		Asia-Pacific Journal of Clinical Oncology ISSN: 1743-7563	Scopus Citescore 3.4 Q3		Volume 21, Issue 3, Pages: 281-289	06/ 2025

46	Efficacy and Tolerance of First-Line Afatinib in Elderly NSCLC Patients with EGFR Mutations in Viet Nam: A Multicenter Real-World Study. doi: 10.31557/APJCP.2024.25.10.3567	22	✓	Asian Pacific Journal of Cancer Prevention ISSN: 2476-762X	Scopus Citescore 2.8 Q3		Volume 25, Issue 10 Pages: 3567-3576	10/2024
47	Infiltrating lobular carcinoma of LUMB HER2+ subtype with rhabdoid feature coexisting with synchronous malignant transformation of phyllodes tumor: An exceedingly rare clinicopathological characteristic in Vietnam. doi: 10.1177/20363613241271665	7	✓	Rare tumors ISSN: 2036-3613	Scopus, Citescore 1.4 Q3		Volume 16, Pages: 1-6	08/2024
48	Clinical and paraclinical Features, Outcome, and Prognosis of Extranodal Natural Killer/T-Cell Lymphoma, Nasal Type: A Retrospective Study of 31 Vietnamese Patients. doi:10.18502/ijhoscr.v18i3.16107	6		International Journal of Hematology-Oncology and Stem Cell Research ISSN: 2008-2207	Scopus Citescore 1.3 Q4		Volume 18, Number 3, Pages: 262-273	07/2024
49	A giant metaplastic breast carcinoma with oseous differentiation: A rare case report and review of the literature. doi:10.1016/j.ijscr.2024.109840	5	✓	International Journal of Surgery case reports ISSN: 2210-2612	Scopus Citescore 1.1 Q3		Volume 120, 109840	07/2024

50	Metastatic melanoma to the urinary bladder with synchronous or metachronous metastasis to other organs: clinicopathological characteristics and outcome. doi:10.1016/j.ijscr.2024.109789	6	✓	International Journal of Surgery case reports ISSN: 2210-2612	Scopus Citescore 1.1 Q3		Volume 120, 109789	07/ 2024
51	Rare T263P epidermal growth factor receptor extracellular domain mutation of advanced non-small cell lung cancer in a Vietnamese male patient. doi:10.1002/rcr2.1170	6		Respirology Case Reports. ISSN: 2051-3380	Scopus CiteScore 1.4 Q3		Volume 11, Issue 7, e01170	07/ 2024
52	Neoadjuvant Doxorubicin-Paclitaxel Combined Chemotherapy in Patients with Inoperable Stage III Breast Cancer: A Retrospective Cohort Study with 10 Years of Follow-Up in Vietnam. doi:10.1007/s40487-023-00233-8.	6	✓	Oncology and Therapy ISSN: 2366-1089	Scopus CiteScore 3.4 Q2		Volume 11, Pages: 327-341	06/ 2023
53	Pathological complete response and survival of HER2-positive invasive breast cancer following docetaxel, carboplatin, and trastuzumab neoadjuvant therapy: a Vietnamese experience. doi: 10.5603/OCP.2023.0020	5		Oncology in Clinical Practice ISSN: 2450-1654	Scopus CiteScore 0.9 Q4		Vol 19, No 4 Pages: 235-243	05/ 2023

54	Prolonged response to first-generation tyrosine kinase inhibitor in a metastatic non-small cell lung cancer harbouring complex G719X and S768I mutations: A case report from Vietnam and literature review. doi: 10.1002/rcr2.1131	5		Respirology Case Reports ISSN: 2051-3380	Scopus CiteScore 1.4 Q3		Volume 11, Issue 5 e01131	05/ 2023
55	Metachronous papillary thyroid carcinoma and hereditary breast carcinoma with BRCA1 mutation in a Vietnamese woman: A case report. doi:10.1016/j.ijscr.2023.108249	5		International Journal of Surgery Case Reports ISSN: 2210-2612	Scopus CiteScore 1.1 Q3		Volume 106, 108249	05/ 2023
56	Clinical and paraclinical features, outcome, and prognosis of ovarian granulosa cell tumor: A retrospective study of 28 Vietnamese women. doi:10.1177/20363613221148547	5		Rare Tumors ISSN: 2036-3613	Scopus, Citescore 1.4 Q4		Volume 14 Pages: 1-12	12/ 2022
57	Fibromatosis-Like Metaplastic Carcinoma: A Triple-Negative Breast Cancer with Clinically Indolent Behavior doi: 10.1159/000526535	6		Case report in Oncology ISSN: 1662-6575	Scopus, Citescore 1.4 Q4		Volume 15, Issue 3, Pages: 816-826	09/ 2022

Các bài báo trong nước								
58	Kết quả điều trị bước 1 bằng Afatinib trên bệnh nhân cao tuổi ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IV có đột biến gen EGFR tại Bệnh viện K.	5	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			546/1; 240-245	01/ 2025
59	Thời gian sống còn toàn bộ và một số yếu tố tiên lượng của bệnh nhân ung thư hắc tố da giai đoạn chưa di căn xa.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			539/1; 267-270	06/ 2024
60	Kết quả điều trị U lympho không Hodgkin tế bào T/NK typ mũi xoang bằng phác đồ VIDL sau hóa xạ đồng thời tại Bệnh viện K.	4		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			533/1B; 74-78	12/ 2023
61	Đánh giá kết quả điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IV có đột biến gen EGFR bằng osimertinib.	3	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			531/1; 378-382	10/ 2023
62	Đánh giá độc tính trên tim mạch khi sử dụng Trastuzumab biosimilar (Herticad) trên bệnh nhân ung thư vú HER2 dương tính tại khoa Nội Tam Hiệp - Bệnh viện K.	2	✓	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			525/ số chuyên đề; 373-379	04/ 2023
63	Một số yếu tố ảnh hưởng đến tái phát, di căn của ung thư vú có thụ thể dương tính.	3		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			03/2018; 162-165	2018

64	Kết quả sống thêm và một số yếu tố tiên lượng ung thư vú giai đoạn II-IIIa có thụ thể nội tiết và Her2 dương tính	5		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2016; 239-247	2016
65	Đánh giá kết quả điều trị bước một ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IIIB, IV bằng thuốc ức chế Tyrosine kinase (TKIs).	10		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2016; 190-196	2016
66	Đánh giá kết quả điều trị của phác đồ Nimotuzumab- hóa xạ đồng thời đối với ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ.	7		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN: 1859-400			01/2014; 142-149	2014

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **06 bài thứ tự mẫu 1 (1,46,47,49,50,52).**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 ☐ HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 24 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đỗ Anh Tú